KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn: Tiếng Việt ; lớp 1C.

Tên bài học: **Bài 108: êu -iu** ; số tiết CT: **246, 247**

Thời gian thực hiện: Thứ Tư ngày 05 tháng 02 năm 2025

**I**. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết các vần **êu, iu**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **êu, iu**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **êu**, vần **iu**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Ba lưỡi rìu** (1).

- Viết đúng các vần **êu, iu**, các tiếng (con) **sếu**, (cái) **rìu** cỡ nhỡ (trên bảng con).

- Phát triển các NL: tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, …

- Phát triển các phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, …

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: SGK, bảng phụ, tranh minh họa bài học, nhạc baì hát…

- HS: SGK, bảng con, phấn, khăn lau, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| 1. **1. Hoạt động Mở đầu (5 phút)**   - Cho HS hát- múa Cá vàng bơi  - GV nhận xét, tuyên dương.  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới (15 phút)**  **-** Giới thiệu bài: vần êu, vần iu.  - Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)  **2.1 Dạy vần êu**  - HS đọc từng chữ ê, u, vần êu. / Phân tích vần êu. / Đánh vần và đọc: ê - u - êu / êu.  - HS nêu từ ngữ: *con sếu / sếu* / Phân tích tiếng sếu.  - Đánh vần, đọc trơn: ê - u - êu / sờ - êu - sêu - sắc - sếu/ con sếu.  **2.2 Dạy vần iu** (như vần êu)  - Đánh vần, đọc trơn: - i - u - iu/ rờ - iu - riu - huyền - rìu/ cái rìu.  \* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần mới: êu, iu; từ khoá: êu, con sếu; iu, cái rìu.  **3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (15 phút)**  **3.1 Mở rộng vốn từ:**  - GV nêu YC;  - GV chỉ từng từ ngữ, cả lớp đọc: *bé xíu, lều vải*, trĩu quả, địu con, cái phễu.  - Gọi HS nêu kết quả, GV giúp HS gắn chữ dưới hình trên bảng lớp.  - GV chỉ từng hình, cả lớp đọc: 1) lều vải, 2) địu con, 3) trĩu quả,...  - GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng xíu có vần **iu**. Tiếng lều có vần **êu**,...  - GV nhận xét  **3.2 Tập viết** (bảng con - BT 4)  a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học: **êu, iu, con sếu, cái rìu**.  b) Viết vần: **êu, iu**  - Gọi 1 HS đọc vần **êu**.  - GV vừa viết mẫu vần **êu/ iu** vừa hướng dẫn.  - HS luyện viết bảng con: êu, iu  c) Viết tiếng: (con) **sếu**, (cái) **rìu**  - GV vừa viết tiếng **sếu** vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ: **s** cao hơn 1 li, **êu** - 1 li; dấu sắc đặt trên **ê**. / Làm tương tự với tiếng **rìu**.  - HS viết: (con) s**ếu**, (cái) **rìu** (2 lần). | - HS hát –múa  - HS lắng nghe  - HS phân tích, đánh vần, vần êu  - HS quan sát tranh, nêu từ ngữ **con sếu.**  - Đánh vần, đọc trơn con sếu ( cá nhân, nhóm, ĐT)  -HS đánh vần, đọc trơn vần iu  - HS đọc    - HS lắng nghe  - HS đồng thanh.  - HS phát biểu.  - HS đọc  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS viết: **êu, iu** (2 lần).  - HS quan sát  - HS viết: **con sếu, cái rìu** (2 lần). |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **3.2. Tập đọc (BT 3) (28 phút)**  a) GV giới thiệu truyện Ba lưỡi rìu (1): Chàng tiều phu nghèo đi đốn củi, làm văng lưỡi rìu xuống sông. Chàng ôm mặt khóc. Bụt hiện lên giúp chàng.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): đốn củi, nghèo, rìu sắt, lưỡi rìu, vàng, khóc, ông lão, mếu máo, lặn xuống.  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có mấy câu? (8 câu). GV đánh số thứ tự từng câu.  - GV chỉ từng câu cho HS đọc. (1 HS, cả lớp).  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp; đọc liền 2 câu: 6, 7).  e) Thi đọc đoạn, bài (quy trình đã hướng dẫn). Chia bài làm 2 đoạn: 4 câu/ 5 câu.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC.  - Gọi 1 HS đọc trên bảng lớp 2 câu văn chưa hoàn thành.  - HS làm bài cá nhân. / 1 HS báo cáo kết quả.  - GV kết luận, gọi HS nhắc lại.  **4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 phút)**  - HS tìm tiếng ngoài bài có vần **êu**; có vần **iu**  - GV nhận xét, cho HS đọc các từ vừa tìm được  **\* Củng cố và nói tiếp (2 phút)**  - Gọi Hs đọc toàn bài.  - Nhận xét tiết học.  - Chuẩn bị bài tiếp theo. | - HS theo dõi  - Lắng nghe  - Luyện đọc từ ngữ trên bảng  - HS đếm, nêu số câu  - Đọc từng câu  - HS đọc nối tiếp từng câu  - Luyện đọc đoạn và thi đọc đoạn  - HS theo dõi  - HS đọc.  - HS phát biểu.  - HS nhắc lại:  a) Chàng đốn củi chỉ có một chiếc rìu sắt,  b) Một hôm, chàng đi đốn củi, chẳng may lưỡi rìu văng xuống sông.  - HS nêu  - HS đọc  - HS đọc  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………